

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 206/2022/HNGĐ-ST

Ngày 23-6-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trường Hận

Ông Duyên Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Xô - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 334/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 235/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 6 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T sống chung năm 2015, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Điền. Hiện tại vợ chồng chị đã ly thân nhau. Xét thấy cuộc sống chung không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có một người con chung, cháu Trần Thuyền K, sinh ngày 07/8/2016, hiện cháu sống chung với chị và chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu K. Chị yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định tự thỏa thuận với anh T, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản hòa giải ngày 14 tháng 6 năm 2022 và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với trình bày của chị N về thời gian chung sống, thời gian kết hôn, hôn nhân là do anh tự nguyện lựa chọn không ép buộc. Hiện tại vợ chồng đã ly thân nhau, anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Có một người con chung, cháu Trần Thuyên K, sinh ngày 07/8/2016, hiện cháu sống chung với chị N. Anh xác định do điều kiện thu nhập anh ổn định nên anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác định tự thỏa thuận với chị N, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Trần Văn T có nơi trú tại ấp Tân Hòa, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh T, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt chị N theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và chị T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào ngày 18/11/2015 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn, anh T đồng ý ly hôn với chị N, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Anh chị có một người con chung, cháu Trần Thuyên K, sinh ngày 08/7/2016, cháu hiện đang sống cùng chị N, anh chị đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K. Xét thấy, cháu K hiện còn nhỏ chưa đủ tuổi để ghi nhận nguyện vọng của cháu theo quy định pháp luật, do đó cần căn cứ vào điều

kiện cụ thể của các bên cũng như sự phù hợp cho việc phát triển của cháu để quyết định người trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Anh chị đều thừa nhận từ khi sinh ra cho đến nay cháu K là do anh chị trực tiếp nuôi dưỡng, việc chăm sóc cháu là do cả hai cùng trực tiếp thực hiện, tuy nhiên chị N là người giữ vai trò chính trong việc chăm sóc và giáo dục con, hiện cháu K đang ở với chị N từ khi anh chị ly thân nhau cho đến nay, cháu N hiện còn nhỏ, là cháu gái nên cần thiết phải giao cho người mẹ để tiện trong việc chăm sóc cũng như thấu hiểu hơn về tâm, sinh lý của cháu trong suốt quá trình phát triển của cháu. Hiện nay điều kiện kinh tế của chị N ổn định, có nghề nghiệp và đảm bảo đủ điều kiện chăm lo cho cháu N; anh T làm nghề biển nên không thường siêng trực tiếp bên cạnh để chăm sóc con. Từ những phân tích nêu trên, xét thấy cần giao cháu K cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện cụ thể các bên và sự phát triển của cháu K.

[4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, việc cấp dưỡng cho con là nghĩa vụ của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Về mức cấp dưỡng, theo quy định tại Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình và hướng dẫn tại khoản 2, mục III của Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân tối cao thì mức cấp dưỡng tối thiểu không dưới 1/2 mức lương cơ sở do nhà nước quy định tại thời điểm xét xử đối với 01 người con, do đó anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu K với số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là có cơ sở. Thời điểm cấp dưỡng được tính kể từ ngày 23/6/2022.

[5] Về tài sản chung: Chị N và anh T thống nhất xác định tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị N và anh T xác định không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, anh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Thuyên K, sinh ngày 08/7/2016 cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Buộc anh Trần Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Thuyên K, sinh ngày 08/7/2016 với số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng được tính kể từ ngày 23/6/2022.

4. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, chị có nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004930 ngày 07 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu. Anh Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng NV-KT và THA
TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện TVT;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- UBND xã Phong Điền;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Hợp